

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2020
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Lan, Cán bộ Tòa án ND huyện Ứng Hoà.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Khuyển -Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐHPT- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Mạnh T** - sinh năm 1990; Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn ĐL, xã DM, huyện DT, tỉnh Hà Nam.

***Bị đơn:** Chị **Trịnh Thị T** - sinh năm 1995; Nguyên quán và chỗ ở hiện nay: thôn KV, xã DT, huyện UH, Thành phố Hà Nội. Nơi ĐKKHKT: thôn ĐL, xã DM, huyện DT, tỉnh Hà Nam.

(Anh T có đơn xin vắng mặt; chị T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Mạnh T là nguyên đơn trình bày: anh và chị Trịnh Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT năm 2016. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn càng tăng. Do mâu thuẫn càng tăng nên hai vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh không còn tình cảm với chị T, nên anh xin được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung: Nguyễn T Anh - sinh ngày 12/9/2016, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng anh, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa.

Theo Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Thanh là mẹ đẻ chị Trịnh Thị T trình bày: sau khi kết hôn chị T chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống với chồng là anh Nguyễn Mạnh T tại nhà chồng ở thôn ĐL, xã DM, huyện DT, tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, sau khi có mâu thuẫn vợ chồng chị T bỏ về sinh sống cùng gia đình bà ở thôn KV, xã DT, huyện UH, thành phố Hà Nội từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Chị T hiện đang làm nhân viên văn phòng tại khu công nghiệp Đồng Văn, huyện DT, tỉnh Hà Nam, sáng đi tối về. Bà nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T ngay trong ngày. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T chị T bà chỉ biết anh T và chị T xảy ra mâu thuẫn từ lâu, khoảng từ tháng 7 năm 2019, tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể như nào bà không biết. Anh T và chị T có 01 con chung: Nguyễn T Anh, sinh ngày 12/9/2016. Thời gian trước bà trực tiếp chăm sóc cháu nội, khoảng vài tháng gần đây anh T đón cháu về nhà nội chăm sóc. Việc giải quyết ly hôn giữa anh T và chị T quan điểm bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2020: Chính quyền địa phương xã DT cung cấp: chị Trịnh Thị T, sinh năm 1995 là người ở thôn KV, xã DT, huyện UH có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1990 vào ngày 09/4/2016 tại UBND xã DT. Sau khi kết hôn chị T chuyển hộ khẩu và về chung sống với anh T cùng gia đình anh T ở tại thôn ĐL, xã DM, huyện DT, tỉnh Hà Nam. Tuy nhiên, từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, chị T đã chuyển về sinh sống thường xuyên tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn KV, xã DT, huyện UH, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T chị T như thế nào chính quyền địa phương không nắm được, chỉ biết anh T và chị T có mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh T và chị T có 01 con chung như anh T và bà Thanh trình bày ở trên. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị T, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật bảo đảm quyền lợi cho các công dân.

Tại phiên tòa, anh T và chị T đều vắng mặt, anh T có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các thủ tục theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho anh T được ly

hôn với chị T; giao con chung Nguyễn T Anh cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ồng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập chị T đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên toà nhưng chị T không hợp tác, không chấp hành, anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Trịnh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT ngày 09/4/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, anh T cương quyết xin được ly hôn với chị T. Đối với chị T trong suốt quá trình triệu tập đến Tòa và thông báo hòa giải, làm việc và phiên tòa chị T đều không đến Tòa, vắng mặt không có lý do, thể hiện không hợp tác.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh T là căng thẳng, đã sống ly thân gần 01 năm, hôn nhân giữa hai vợ chồng thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn gắn kết đời sống chung, tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh T và chị T có 01 con chung là Nguyễn T Anh - sinh ngày 12/9/2016, hiện đang ở với anh T; Anh T có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung Nguyễn T Anh và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho mình. Xét, chị T không đến Tòa để trình bày nguyện vọng, cháu Nguyễn T Anh đã trên 36 tháng tuổi và hiện đang ở với bố, do đó sau ly hôn nên giao con chung cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật; anh T không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị T cho đến khi có thay đổi hoặc có đề nghị mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Mạnh T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết. Trường hợp sau ly hôn chị T có yêu cầu, đề nghị giải quyết về việc liên quan đến tài sản, công nợ chung của hai vợ chồng thì dành quyền khởi kiện cho chị T trong vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn với chị Trịnh Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Trịnh Thị T có 01 con chung: Nguyễn T Anh, sinh ngày 12/9/2016. Sau ly hôn giao con chung Nguyễn T Anh cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị T cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác. Sau ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: anh Nguyễn Mạnh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009645 ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi thường trú./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THA.DS huyện Ứng Hoà;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các đồng sự;
- Luật sư; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện